

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 120/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Kế hoạch đầu tư công năm 2024 - nguồn ngân sách nhà nước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/QH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội khóa XV về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội khóa XV về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 55/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 - nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025;

Xét Tờ trình số 3816/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết giao Kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách nhà nước; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nguyên tắc bố trí vốn

Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2024 phải đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 51 Luật Đầu tư công, cụ thể:

1. Nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 55/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và các Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

5. Đáp ứng điều kiện bố trí vốn hàng năm theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công và đảm bảo thời gian bố trí vốn cho dự án theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công.

6. Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế vốn dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2023 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021, 2022 và dự kiến giải ngân năm 2023 (bao gồm số vốn được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023). Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2024.

7. Chỉ thực hiện bố trí vốn cho các dự án khởi công mới sau khi đã hoàn thành thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi toàn bộ vốn ứng trước theo quy định.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền trong việc giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước

1. Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ

Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về dự kiến danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án theo mức vốn thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh và Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2024 được Thủ tướng Chính phủ giao, Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn cho từng dự án đảm bảo phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2024.

2. Nguồn vốn ngân sách tỉnh

a) Đối với các dự án tỉnh quản lý: Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án;

b) Đối với các dự án huyện quản lý (ngân sách tỉnh hỗ trợ mục tiêu cho cấp huyện): Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn phân bổ cho từng mục tiêu hỗ trợ của huyện, thị xã, thành phố. Căn cứ mức vốn được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, việc giao chi tiết danh mục dự án thực hiện như sau:

- Các địa phương đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn chi tiết từng dự án đối với các mục tiêu: (1) Hỗ trợ khác; (2) Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025; (3) Hỗ trợ Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các địa phương chịu trách nhiệm giao kế hoạch vốn chi tiết từng dự án đối với các mục tiêu: (1) Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; (2) Chinh trang đô thị, bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng, đúng quy định pháp luật.

3. Nguồn vốn ngân sách cấp huyện

Căn cứ mức vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách cấp huyện đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, dự toán thu – chi nguồn ngân sách huyện, thị xã, thành phố, Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách huyện, thị xã, thành phố năm 2024, bảo đảm bố trí vốn tập trung và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Điều 3. Thống nhất thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2024 – nguồn ngân sách địa phương

1. Giao kế hoạch đầu tư công năm 2024 - nguồn ngân sách địa phương

Kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương 3.530,122 tỷ đồng (gồm: Ngân sách tập trung 569,022 tỷ đồng, nguồn thu tiền sử dụng đất 1.050 tỷ đồng, xổ số kiến thiết 1.900 tỷ đồng và bội chi nguồn ngân sách địa phương 11,1 tỷ đồng). Cụ thể:

a) Ngân sách cấp tỉnh 2.810,122 tỷ đồng.

b) Ngân sách huyện, thị xã, thành phố 720 tỷ đồng.

(Đính kèm Phụ lục 1)

2. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tình hình triển khai, được thực hiện:

a) Phân khai chi tiết các công trình cụ thể trong phạm vi kế hoạch vốn của năm đối với các đề án, dự án, chương trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua;

b) Điều chuyển kế hoạch vốn giữa các dự án có khối lượng thực hiện thấp hơn kế hoạch được giao cho các dự án có khối lượng thực hiện cao hơn kế hoạch vốn được giao;

c) Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện các dự án khi có nhu cầu và có quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền.

Điều 4. Cho ý kiến danh mục, mức vốn bố trí cho các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công năm 2024 – nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ

Dự kiến mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho địa phương là 720,376 tỷ đồng (theo mức vốn được thông báo tại Văn bản số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024) được phân bổ như sau:

1. Tỉnh quản lý

+ Vốn trong nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực 583,760 tỷ đồng.

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững 3,699 tỷ đồng.

2. Tỉnh hỗ trợ mục tiêu

+ Vốn trong nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực 12 tỷ đồng cho dự án Bờ kè chống sạt lở suối Cần Đăng chảy qua trung tâm thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên.

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 4,347 tỷ đồng phân bổ cho xã Hòa Hiệp huyện Tân Biên (xã được công nhận vùng đồng bào dân tộc thiểu số).

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 116,57 tỷ đồng/04 huyện.

(Đính kèm Phụ lục 2, 3)

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X, Kỳ họp thứ 10 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 12 năm 2023.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh; Đài PTTH Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Tâm

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 - NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Nội dung thiết kế	Thời gian khởi công- hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn từ thời điểm hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Trong đó:				Ghi chú
														Ngân sách tập trung	Ngân thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân hỗ trợ ngân sách địa phương	
TỔNG CỘNG																		
A	NGÂN SÁCH TỈNH																	
A.1	TỈNH QUẢN LÝ																	
I	CHỦ/AN BỊ ĐẦU TƯ																	
II	THỰC HIỆN DỰ ÁN																	
II.1	DỰ/AN CHUYỂN TIẾP																	
II.1.1	QUỐC PHÒNG																	
1	Đàn biên phòng của khu Phước Tân (843)	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004686	011	Theo thiết kế nhà dân hiện phòng năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ quốc phòng	2022-2024	288/QĐ-SKHDĐT 02/11/2021	36.000	40.000	35.123	870	870				
2	Xây dựng doanh trại và thao trường huấn luyện Trung đoàn bộ binh 174 (gần đơn 1)	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	xã Tân Phú, huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004686	011	DT: 186.571m ²	2021-2024	1661/QĐ-LUBND 05/8/2022	77.200	85.799	30.000	47.200	47.200				
3	Xây mới Hội trường 300 chỗ Bộ CHQS tỉnh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004686	011	DT: 2.146m ²	2023-2025	257/QĐ-SKHDĐT 25/11/2022	25.000	28.106	10.000	15.000	15.000				
4	Xây dựng doanh trại Đại đội Thiết giáp/Phòng Tham mưu	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	xã Đồng Khởi- huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004686	011	DT: 30.000m ²	2023-2025	21/QĐ-SKHDĐT 07/02/2023	16.000	17.997	11.500	4.500	4.500				
II.1.2	AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI																	
1	Đội Cảnh sát PCCC và CNCH Công an huyện Gò Dầu	Công an Tây Ninh	Huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004692	041	Xây mới NL.V, nhà xe phòng cháy chữa cháy, trực tác chiến, nhà xe cảnh bộ chữa sít và các hạng mục khác	2022-2024	142/QĐ-HQUKKT 17/11/2023	10.300	11.403	2.916	7.380	7.380				
II.1.3	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH																	
1	Dự án thiết lập hệ thống bệnh án điện tử	Sở Y tế	Các huyện, thị xã, thành phố	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7857373	139	Các cơ sở khám chữa bệnh công lập	2023-2025	137/QĐ-SKHDĐT 21/5/2021; 274/QĐ-SKHDĐT 14/12/2022 (46)	22.000	24.500	-	22.000	-	-	22.000		
II.1.4	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ																	
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú Tây Ninh	Ban QLDA DTXD tỉnh	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952472	074	KTX, Trang thiết bị, hạng mục phụ	2022-2024	134/QĐ-SKHDĐT 12/8/2022	7.200	14.780	5.000	2.200			2.200		
2	Trường THPT Dương Minh Châu (cơ sở 2)	Ban QLDA DTXD tỉnh	huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952475	074	Cải tạo, sửa chữa kết hợp xây mới một số hạng mục	2023-2024	108/QĐ-SKHDĐT 07/7/2023	4.200	4.773	1.300	2.900			2.900		
3	Trường THPT Nguyễn Huệ	Ban QLDA DTXD tỉnh	huyện Bàu Cầu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7900085	074	Cải tạo, sửa chữa	2022-2024	23/QĐ-SKHDĐT 22/02/2023	15.000	16.832	4.800	10.200			10.200		
4	Trường THPT Hoàng Thúc Kháng	Ban QLDA DTXD tỉnh	huyện Bàu Cầu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952476	074	Cải tạo, sửa chữa và xây mới khối phòng học và các phòng chức năng	2023-2025	107/QĐ-SKHDĐT 05/7/2023	10.900	12.167	3.000	7.900			7.900		
5	Trường THPT Lương Thế Vinh	Ban QLDA DTXD tỉnh	huyện Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952473	074	Cải tạo, sửa chữa và xây mới khối phòng học và các phòng chức năng	2023-2025	111/QĐ-SKHDĐT 10/7/2023	8.400	9.371	2.500	5.900			5.900		
6	Trường THPT Lê Hồng Phong	Ban QLDA DTXD tỉnh	huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952474	074	Cải tạo, sửa chữa và xây mới khối phòng học và các phòng chức năng	2023-2025	106/QĐ-SKHDĐT 05/7/2023	6.800	7.499	2.300	4.500			4.500		

Được thực hiện đúng

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mới tái phân của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công- hoàn thành	QP đầu tư (nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trong hạn giải ngân 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lập kế vốn tính cả bổ trợ từ hoạt động đến kết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu năm 2024	Trong đó:					Ghi chú
														Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Xả số kiến thiết	Nguồn bồi chi ngân sách địa phương		
7	Dầu từ cơ sở hạ tầng, phân mảnh, trung thất bị công nghệ thông tin cho Trung tâm dịch vụ việc làm – Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Tây Ninh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	TP Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7968550	098	Cải tạo, nâng cấp	2023-2024	113/QĐ-SKCHĐT 12/7/2023	3.800	14.000	460	2.840	31,125	-	2.840	11,100		
II.1.6	Báo về môi trường									238,690	553,057	175,609	62,990	31,125	-	20,765	11,100		
a	Môi trường																		
1	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Tây Ninh giai đoạn 1	UBND thành phố Tây Ninh	thành phố Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7232853	262	5.000 m ³ /ngày	2018-2025	835/QĐ-UBND 12/4/2017; 1100/QĐ-UBND 17/5/2018; 413/QĐ-UBND 08/02/2018; 2372/QĐ-UBND 25/9/2018; 274/QĐ-UBND 12/11/2018; 3147/QĐ-UBND 22/11/2021 (46); 2161/QĐ-UBND 24/10/2023 (46)	66,690	355,564	23,200	43,490	11,625		20,765	11,100	Dự án chưa được TW giao vốn ODA năm 2024	
2	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị Hòa Thành - giai đoạn 1	BỘ LƯU ĐTXD tỉnh	thị xã Hòa Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7818178	262	dầu từ nhà máy nước thải công suất 12.000m ³ /ngày; đê m và các đường ống thu gom nước thải	2021-2024	1249/QĐ-UBND 22/6/2020; 2757/QĐ-UBND 30/12/2022 (46)	130,000	150,884	116,573	13,400	13,400					
3	Hệ thống thu gom nước thải và vỉa hè Khu phố 3, Khu phố 4 thị trấn Dương Minh Châu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Dương Minh Châu	thị trấn Dương Minh Châu, huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7945273	262	Dầu từ đường ống thu gom và xử lý dựng vỉa hè	2023-2025	107/QĐ-SKCHĐT 11/7/2022	42,000	46,609	35,836	6,100	6,100					
II.1.7	Các hoạt động kinh tế									2,336,400	4,831,759	839,612	1,219,009	198,321	427,450	593,238	-		
a	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆN NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN									186,100	406,936	71,807	110,640	47,440	50,000	13,400	-		
1	Kênh tiêu Suối Bàu Krong Gia Bình	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	thị xã Trảng Bàng	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7917430	283	4,5km	2022-2024	316/QĐ-SKCHĐT 09/12/2021	15,000	17,000	7,300	7,700			7,700			
2	Kênh tiêu Tân Hiệp	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7916554	283	Dãi 4,7km	2022-2024	311/QĐ-SKCHĐT 06/12/2021	13,500	14,999	7,800	5,700			5,700			
3	Kênh tiêu Suối Ông Hùng	Ban QLDA ĐTXD ngành NN và PTNT	huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7916010	283	Dãi 200 ha	2022-2024	310/QĐ-SKCHĐT 03/12/2021	7,200	8,000	6,250	950	950					
4	Gia cũ kênh TN17 đoạn từ K0 đến K0+850 (L=850m)	Ban QLDA ĐTXD ngành NN và PTNT	huyện Châu Thành, Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7910595	283	Gia cũ kênh, nâng cấp một số công trình trên kênh	2022-2024	300/QĐ-SKCHĐT 22/11/2021	18,000	19,642	16,427	1,570	1,570					
5	Xây dựng nhà trạm BVR - Dãi QLBY&PTR	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933893	282	Xây mới 12 nhà, trạm BVR tại 12 vị trí thuộc khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng	2023-2025	219/QĐ-UBND 28/10/2022	7,000	7,000	3,500	3,500	3,500					
6	Trạm bơm Tân Lương	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7911088	283	Tuổi thọ thiết bị 732 ha	2022-2025	157/QĐ-UBND 01/8/2022	10,000	218,046	5,840	4,160	4,160					
7	Trồng cây phân tán tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tây Ninh	Tên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7932593	282	Mưa và phân bón 1.181.190 cây giống làm nghiệp các loại cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh	2022-2024	3133/QĐ-UBND 19/11/2021	5,000	5,522	3,340	1,660	1,660					
8	Trồng rừng mới Khu rừng Văn hóa - Lịch sử Núi Bà gần đền 2023-2025	Ban Quản lý Khu dân lịch quốc gia Núi Bà Đen	huyện Dương Minh Châu và thành phố Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8028683	282	Trồng mới 50 ha	2023-2025	64/QĐ-SKCHĐT 24/9/2023	1,500	1,659	770	730	730					

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công-hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn từ kho dự trữ tài chính đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư năm 2024	Trong đó:				Chi chủ
														Nguồn vốn tập trung	Nguồn thu từ thuế đất	Xã số liên kết	Nguồn bồi chi ngân sách địa phương	
9	Bảo vệ và phát triển rừng Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng giai đoạn 2023-2025	Ban Quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng	huyện Tân Châu và huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8024408	282	Trồng mới 1.000 ha và chăm sóc rừng trồng	2023-2025	55/QĐ-SKHĐT 27/4/2023	30.200	33.905	18.000	8.800	8.800				
10	Bảo vệ và phát triển rừng Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát giai đoạn 2023-2025	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát	huyện Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8018049	282	Trồng mới 38,7 ha và chăm sóc rừng trồng	2023-2025	61/QĐ-SKHĐT 19/5/2023	1.500	1.668	380	1.120	1.120				
11	Nạo vét kênh Gò Suối	Ban Quản lý DA DTXD ngành Nông nghiệp và PTNT	huyện Bến Cầu và TX Trảng Bàng	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7917428	283	Dãi 5,13km	2023-2025	31/QĐ-SKHĐT 06/3/2023	23.000	21.842	550	22.450	22.450				
12	Nạo vét kênh Địa Xù từ cầu Địa Xù đến giáp trục Vàm Bào	Ban Quản lý DA DTXD ngành Nông nghiệp và PTNT	huyện Bến Cầu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933889	283	Tiêu thoát nước cho lưu vực 5.045 ha đất nông nghiệp và DT 730 ha khu dân cư và khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài	2023-2025	57/QĐ-SKHĐT 05/5/2023	18.000	17.209	350	17.600			17.600		
13	Kênh tưới Suối Nước Dục	Ban Quản lý DA DTXD ngành Nông nghiệp và PTNT	huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933891	283	Dãi 8.860m	2023-2025	70/QĐ-SKHĐT 28/5/2023	33.000	36.944	600	32.400			32.400		
14	Sửa chữa, xây mới một số hạng mục tại giếng, cây trồng	Ban Quản lý DA DTXD ngành Nông nghiệp và PTNT	huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933892	283	980m ²	2023-2025	97/QĐ-SKHĐT 22/6/2023	3.200	3.500	700	2.500	2.500				
6	GAO THÔNG									1.680.000	4.259.870	525.655	922.728	-	354.100	568.638	-	
1	Dường liên tuyến kết nối vùng NK-787B-789	Ban QLDA DTXD ngành Giao thông	Thị xã Trảng Bàng - huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7866652	292	48,11km BTN	2021-2026	1492/QĐ-UBND 12/7/2021	1.400.000	3.416.238	412.328	756.268			187.630	568.638	
2	Dường DT 794 đoạn từ ngã ba Ká Tam đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 2)	BQLDA DTXD ngành Giao thông	huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7684671	292	Dãi 16km	2020-2024	2688/QĐ-UBND 03/11/2020	70.000	499.942	61.000	9.000			9.000		
3	Dường ĐH 9 giai đoạn 2	Ban QLDA DTXD huyện Dương Minh Châu	huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7938706	292	Dãi 7,5km	2022-2024	27/QĐ-SKHĐT 18/01/2022	27.000	29.093	22.527	4.470			4.470		
4	Dường Trường Hòa - Chà Lã (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến DT 784)	Ban QLDA DTXD ngành Giao thông	thị xã Hòa Thành và huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7943997	292	Dãi 4.963,47m	2022-2025	2737/QĐ-UBND 29/12/2022	180.000	218.845	30.000	150.000			150.000		
5	Dường vào dân Bùn phòng Suối Lầm						Tổng chiều dài tuyến khoảng 3.280 mét, mặt đường sẽ độ rộng 5,0 mét, nền đường rộng 7,0 mét	2021-2024	3020/QĐ-UBND 19/12/2016- 677/QĐ-UBND 24/3/2021	3.000	95.752		3.000			3.000		
c	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ									53.000	58.032	47.000	5.000	-	5.000	-	-	
1	Dường DD 6A Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	huyện Bến Cầu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933029	292	Dãi 1.070m	2022-2023	135/QĐ-BQLKKT 30/11/2021	52.000	58.032	47.000	5.000			5.000		
d	CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC									93.300	106.901	74.950	18.350	-	18.350	-	-	

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công-hoàn thành	QP đầu tư (nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công phân bổ năm 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn từ khoả công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu năm 2024	Trong đó:				Ghi chú
														Nguồn sách tập trung	Nguồn thu từ sự dụng đất	Xổ số kiến thiết	Nguồn bồi chi ngân sách địa phương	
1	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Tân Đông, Tân Thành, Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7910594	311	Sửa chữa, cấp nước cho khoảng 500 hộ dân	2022-2024	34/QĐ-SKCHĐT 28/12/2021	3,200	3,500	2,800	400		400			
2	Mở rộng khu vực cấp nước xã Tân Hòa	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	xã Tân Hòa, huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7916011	311	Cấp nước cho khoảng 2.580 hộ	2022-2024	34/QĐ-SKCHĐT 28/12/2021	11,700	13,000	11,500	200		200			
3	Chống ngập điểm ngập 140 ha tại phường Ninh Thành	BQLDA ĐTXD tỉnh	thành phố Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7818181	311	Giải quyết tình trạng ngập lụt nghiêm trọng tại một số tuyến đường trên địa bàn	2022-2024	21/QĐ-SKCHĐT 15/01/2022	25,000	29,310	21,500	3,500		3,500			
4	Hệ thống thoát nước và hạ bề đường Nguyễn Văn Linh - giai đoạn 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Hòa Thành	thị xã Hòa Thành nước Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7934411	311	Dhị 1.641,66m...	2022-2024	327/QĐ-SKCHĐT 14/12/2021	29,000	30,691	28,650	350		350			
5	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Đông Tiến, Tân Đông, Tân Châu	BQL DA ĐTXD ngành NN&PTNT	xã Tân Đông, huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7910598	311	Nâng cấp và xây dựng một số hạng mục trên cấp nước, CS 30 m/h, cung cấp cho khoảng 600 hộ dân	2022-2024	346/QĐ-SKCHĐT 28/12/2021	13,000	14,500	7,500	5,500		5,500			
6	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Thanh Lợi, Thanh Bình, Tân Biên	Ban Quản lý ĐA ĐTXD ngành NN&PTNT	Thanh Bình, huyện Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933888	311	500 hộ	2023-2025	42/QĐ-SKCHĐT 24/7/2023	8,000	9,000	2,000	6,000		6,000			
7	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Tân Trung, Tân Bình, TP Tây Ninh	Ban Quản lý ĐA ĐTXD ngành NN&PTNT	Tân Bình, TP Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933866	311	400 hộ	2023-2025	60/QĐ-SKCHĐT 12/5/2023	2,900	3,200	800	2,100		2,100			
8	Dầu tư nâng cấp trạm cấp nước cấp trung tại xã Hòa Hiệp	Ban Quản lý ĐA ĐTXD ngành NN&PTNT	huyện Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8030040	311	Cải tạo giếng khoan hiện hữu khai rủa giếng hiện hữu theo chiều dọc ống lọc 20m, bơm hút nước đi nghiên kiện tra lưu lượng giếng, Xây mới trạm bơm giếng, Dầu tư mới trạm biến áp 3 pha 3x15KVA....	2023-2024	118/QĐ-SKCHĐT 20/7/2023	500	3,700	200	300		300			Dự án sử dụng vốn NSTW - CT MTQG DTTSMN
CÁP VỐN ĐIỀU LỆ CHO NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH, QUỸ TẠI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH, CẤP BỊ LẠI XUẤT TIN DỤNG LƯU BÀI, PHI QUẢN LÝ, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP BẢO TỬ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VUA THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VUA, HỖ TRỢ HỢP TÁC XÃ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỢP TÁC XÃ																		
1	Hỗ trợ các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018									30,000		-	21,721	21,721				
2	Chỉ ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội									220,000		120,000	100,000	100,000				
3	Hỗ trợ, phát triển kinh tế cấp nhỏ, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020									50,000			22,240	11,040		11,200		
4	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ									25,000			18,120	18,120				
HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI																		
1,1,8										13,850	12,809	4,700	7,250	7,250				

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mới tại khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Nội dung thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ đầu tư (chức năng cơ)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn từ kho công đức kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu năm 2024	Trong đó:				Chi chủ
														Nguồn sách tập trung	Nguồn thu từ sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Nguồn từ các ngân sách địa phương	
1	Cải tạo trụ sở Đảng ủy Khối cơ quan (cũ) làm trụ sở làm việc của Sở Ngoại vụ và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	Ban QLDA DTXD tỉnh	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8013680	341	Mua sắm, lắp đặt máy tính mới, sửa chữa máy cũ hệ thống máy tính hiện tại	2022-2024	126/QĐ-SKCHĐT 08/8/2023	6.300	6.630	2.000	4.300	4.300				
2	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Văn phòng Đoàn BDPQT và HĐND tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA DTXD tỉnh	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8013679	341	Sửa chữa, cải tạo	2023-2024	89/QĐ-SKCHĐT 14/6/2023	3.000	2.118	1.000	900	900				
3	Sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Công thương Tây Ninh	Ban QLDA DTXD tỉnh	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8017485	341	Cải tạo, sửa chữa Văn phòng UBND tỉnh và Trụ sở Ban tiếp Công dân tỉnh	2023-2025	56/QĐ-SKCHĐT 04/5/2023	750	768	700	50	50				
4	Cải tạo, sửa chữa Văn phòng UBND tỉnh và Trụ sở Ban tiếp Công dân tỉnh	Ban QLDA DTXD tỉnh	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8013678	341	Cải tạo, sửa chữa	2023-2024	90/QĐ-SKCHĐT 14/6/2023	3.800	3.295	1.000	2.000	2.000				
II.1.9	XÃ HỘI									13.400	14.690	11.300	2.100	-	-	2.100	-	
1	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tây Ninh (giai đoạn 3)	BQLDA DTXD tỉnh	Tân Hưng, Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7917425	398	Cải tạo, sửa chữa	2022-2024	360/QĐ-SKCHĐT 31/12/2021	13.400	14.690	11.300	2.100			2.100		
II.1.10	CÁC NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT									30.000		15.000	6.176	6.176		-		
1	Chỉ tra nợ gốc và lãi vay									30.000		15.000	6.176	6.176				
II.2	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI									412.100	1.634.235	-	306.900	1.300	115.600	189.600	-	
II.2.1	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ									23.400	26.000	-	5.000	-	-	5.000	-	
1	Xây dựng Trường Chính trị đại chúng mức 1	Ban QLDA DTXD tỉnh Tây Ninh	TX. Hòa Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	083	8047348	Cải tạo sân chơi	2023-2025	222/QĐ-SKCHĐT 04/12/2023	23.400	26.000		5.000			5.000		
II.2.2	VĂN HÓA, THÔNG TIN									47.000	57.407	-	15.000	-	15.000	-	-	
a	VĂN HÓA									47.000	57.407	-	15.000	-	15.000	-	-	
1	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao (giai đoạn 2)	BQLDA DTXD tỉnh	xã Thái Bình - huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7846255	161	Xây dựng bể bơi, cải tạo sân vận động, ... bổ sung thiết bị phục vụ tập luyện và sinh hoạt của vận động viên	2023-2026	2512/QĐ-UBND 04/12/2023	47.000	57.407		15.000			15.000		
II.2.3	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG									100.000	349.998	-	50.000	-	50.000	-	-	
a	MÔI TRƯỜNG									100.000	349.998	-	50.000	-	50.000	-	-	
1	Hệ thống xử lý nước thải đô thị, Hòa Thành giai đoạn 2	Ban QLDA DTXD tỉnh	TX. Hòa Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	262		Xây mới trạm xử lý và hệ thống thu gom nước thải	2023-2025	2483/QĐ-UBND 29/11/2023	100.000	349.998		50.000			50.000		
II.2.4	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ									239.500	1.199.247	-	234.600	-	50.000	184.600	-	
a	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN									100.000	600.000	-	100.000	-	50.000	50.000	-	
1	Tuần tra khu vực nhà Tỷ dân Văn Cỏ Đông giai đoạn 2 (khu có hồ kênh cũ, kênh cấp 1, 2, 3 và kênh tưới)	Ban QLDA DTXD ngành NN&PTNT	huyện Châu Thành và Bùn Cầu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933894	283	Kiểm cố hóa bằng hệ thống khoảng 4,3km	2023-2026	2469/QĐ-UBND 27/11/2023	100.000	600.000		100.000			50.000		
b	CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC									93.900	147.186	-	89.000	-	-	89.000	-	
1	Chống ngập và phát triển hạ tầng kỹ thuật thị xã Trảng Bàng - giai đoạn 1	BQLDA DTXD Thị xã Trảng Bàng	Thị trấn	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7923399	311	XD hệ thống cống, mương thoát nước + tạo vệt rãnh biển hồng, L. = 9,805km	2024-2026	269/QĐ-UBND 28/01/2022	50.000	59.990		50.000			50.000		



STT	Dự án	Chịu đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mới tái bố trí dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	QP đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn tỉnh đã bỏ trả từ khối công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư năm 2024	Trong đó:				Chi đầu
														Ngân sách tập trung	Ngân thu địa phương	Xổ số kiến thiết	Ngân quỹ chi ngân sách địa phương	
2	Mở rộng và hệ thống thoát nước đường Tôn Đức Thắng (Tổ đường Thượng Thanh đến QL22B)	BQLDA DTXD Thị xã Hòa Thành	Hòa Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh			Xây dựng mới đường và hệ thống mương	2024-2026	1635/QĐ-UBND 09/8/2023	37,000	79,496		37,000				37,000	
3	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Thanh Đông, Thanh Tân, TP Tây Ninh	Ban QLDA DTXD ngành NNPTNT	TP Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7973446	311	Nâng cấp, sửa chữa	2024-2025	218/QĐ-SKCHĐT 21/11/2023	6,900	7,700		2,000				2,000	
c	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN									35,600	42,119	-	35,600	-	-		35,600	-
1	Ứng dụng công nghệ thông tin của Tỉnh ủy gửi đoàn 2021-2025	VP Tỉnh ủy	Tỉnh ủy	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7924497	314	Đầu tư trang thiết bị, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ phục vụ yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Tỉnh ủy Tây Ninh	2023-2024	730/QĐ-UBND 24/9/2023	35,600	42,119		35,600				35,600	
d	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ									10,000	410,042	-	10,000	-	-		10,000	-
1	Đầu tư các dự án thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài	Ban Quản lý Khu kinh tế	Khu KCTCK Mộc Bài, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8037985	292	Đầu tư các dự án thuộc KKTCK Mộc Bài	2022 - 2025	2481/QĐ-UBND 29/11/2023	10,000	410,042		10,000				10,000	Dự án sử dụng vốn NSTW
II.2.5	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI									2,200	1,483	-	1,300	1,300	-		-	-
1	Sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Nội chính Tỉnh ủy	Ban QLDA DTXD tỉnh Tây Ninh	Phường 3, TP Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	341	8047347	Cải tạo, sửa chữa	2023-2024	221/QĐ-SKCHĐT 01/12/2023	2,200	1,483		1,300	1,300				
II.3	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG ĐÁ VÀ ĐANG THỰC HIỆN									349,400	261,433		29,900	29,900	-	1,035,857	-	
A.2	TÌNH HÌNH TRỢ MỨC TIÊU									5,467,715	-	3,646,234	1,035,857	-	-	1,035,857	-	
1	Xây dựng nông thôn mới									2,502,000	-	1,747,144	344,610	-	-	344,610	-	
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trang đô thị)									1,260,000	-	917,008	233,390	-	-	233,390	-	
3	Hỗ trợ khác									1,371,000	-	938,476	273,420	-	-	273,420	-	
4	Hỗ trợ để an xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									96,715	-	29,780	53,047	-	-	53,047	-	
5	Hỗ trợ để an bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giảm nghèo bền vững và giảm đói nghèo, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									210,000			131,390			131,390		
	Phân bổ cụ thể cho từng huyện, thị xã, thành phố																	
I	THÀNH PHỐ TÂY NINH									482,105	-	374,916	73,215	-	-	73,215	-	
1	Xây dựng nông thôn mới									44,250	-	35,790	8,460	-	-	8,460	-	
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trang đô thị)									280,000		238,601	30,000			30,000		
3	Hỗ trợ khác									150,000		97,525	30,000			30,000		
4	Hỗ trợ để an xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									4,755		3,000	1,755			1,755		

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mới (tài khoản của dự án)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công- hoàn thành	QĐ đầu tư (chỉnh sửa nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trong hạn giải ngân 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lợi kế vốn tính từ thời điểm khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Trong đó:				Chi phí	
														Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Xã số kiến thiết	Nguồn huy chi ngân sách địa phương		
5	Hỗ trợ Dự án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giải ngân 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									3,100		0	3,100				3,100		
II THỊ XÃ HÒA THÁNH																			
1	Xây dựng nông thôn mới									447,235	0	338,970	72,870	-	-		72,870	-	
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trung đô thị)									73,500	0	59,250	14,250	-	-		14,250	-	
3	Hỗ trợ khác									200,000		188,000	12,000				12,000		
4	Hỗ trợ Dự án xây dựng cơ sở vật chất cho chương trình phòng tiêm chủng và công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giải ngân 2021-2025									150,000		91,720	30,000				30,000		
5	Hỗ trợ Dự án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giải ngân 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									6,345		0	4,230				4,230		
III HUYỆN CHÂU THÀNH																			
1	Xây dựng nông thôn mới									813,945	0	592,110	136,825	-	-		136,825	-	
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trung đô thị)									544,250	0	388,460	70,790	-	-		70,790	-	
3	Hỗ trợ khác									80,000		63,000	17,000				17,000		
4	Hỗ trợ Dự án xây dựng cơ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giải ngân 2021-2025									157,000		131,250	25,740				25,740		
5	Hỗ trợ Dự án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giải ngân 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									22,195		9,400	12,795				12,795		
IV HUYỆN ĐƯƠNG MINH CHÂU																			
1	Xây dựng nông thôn mới									709,105	0	364,893	167,032	-	-		167,032	-	
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trung đô thị)									429,250	0	225,000	95,000	-	-		95,000	-	
3	Hỗ trợ khác									70,000		49,251	9,420				9,420		
4	Hỗ trợ Dự án xây dựng cơ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giải ngân 2021-2025									157,000		86,247	35,000				35,000		
5	Hỗ trợ Dự án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giải ngân 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									15,855		4,395	7,612				7,612		
V THỊ XÃ TRẢNG BÀNG																			
1	Xây dựng nông thôn mới									700,755	0	429,336	153,475	-	-		153,475	-	
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trung đô thị)									225,600	0	167,046	15,000	-	-		15,000	-	
3	Hỗ trợ khác									250,000		154,860	48,000				48,000		
3	Hỗ trợ khác									150,000		103,830	39,320				39,320		

STT	Dự án	Chức năng tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm nuôi trồng thủy sản	Mô hình sản xuất	Mô hình kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quỹ đầu tư (đầu tư chính thức)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giải ngân 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Tỷ lệ kế toán đầu tư từ ngân sách địa phương	Kế hoạch đầu tư năm 2024	Trong đó:			Chi phí
														Ngân sách tập trung	Ngân sách địa phương	Xã số kiến thiết	Ngân sách địa phương
4	Hỗ trợ Dự án xây dựng trụ sở làm việc, trung tâm thi, phòng tiếp nhận và công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									4,755			3,600	1,155		1,155	
5	Hỗ trợ Dự án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									70,400			0	50,000		50,000	
VI HUYỆN GÒ DẦU																	
1	Xây dựng nông thôn mới									579,345	0	420,358	108,155	-	-	108,155	-
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trung đô thị)									219,250	0	204,278	14,970	-	-	14,970	-
3	Hỗ trợ khác									160,000		90,000	60,000			60,000	
4	Hỗ trợ Dự án xây dựng trụ sở làm việc, trung tâm thi, phòng tiếp nhận và công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									150,000		119,880	16,700			16,700	
5	Hỗ trợ Dự án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									12,685		6,200	6,485			6,485	
VII HUYỆN BẾN CẦU																	
1	Xây dựng nông thôn mới									489,525	0	363,254	88,795	-	-	88,795	-
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trung đô thị)									233,500	0	189,972	16,140	-	-	16,140	-
3	Hỗ trợ khác									80,000		56,196	21,970			21,970	
4	Hỗ trợ Dự án xây dựng trụ sở làm việc, trung tâm thi, phòng tiếp nhận và công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									157,000		107,086	31,660			31,660	
5	Hỗ trợ Dự án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									7,925		0	7,925			7,925	
VIII HUYỆN TÂN BIÊN																	
1	Xây dựng nông thôn mới									519,265	0	400,162	75,240	-	-	75,240	-
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trung đô thị)									284,250	0	239,993	15,000	-	-	15,000	-
3	Hỗ trợ khác									70,000		37,100	20,000			20,000	
4	Hỗ trợ Dự án xây dựng trụ sở làm việc, trung tâm thi, phòng tiếp nhận và công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									150,000		119,884	30,000			30,000	
5	Hỗ trợ Dự án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									9,515		3,185	4,740			4,740	
IX HUYỆN TÂN CHÂU																	
1	Xây dựng nông thôn mới									694,535	388,409	160,150	-	-	-	160,150	-
										444,250		237,355	95,000	-	-	95,000	-

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công- hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn tính đã bù trừ từ thời công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu năm 2024	Trong đó:			Ghi chú	
														Ngân sách tập trung	Nguồn thu hiện sử dụng đất	Xã số kiến thiết		Nguồn bù chi ngân sách địa phương
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trung đô thị)									70,000		40,000	15,000			15,000		
3	Hỗ trợ khác									150,000		81,054	35,000			35,000		
4	Hỗ trợ Dự án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021 -2025									12,685		0	6,350			6,350		
5	Hỗ trợ Dự án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									17,600		0	8,800			8,800		
B	NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ (theo phân cấp ủy thác sang ngân hàng chính sách xã hội)																	
1	Chưa đầu tư ngân sách												720,000	220,000	500,000			
2	Chỉ từ nguồn thu hiện sử dụng đất									220,000	220,000		500,000	-	500,000			
(I)	THÀNH PHỐ TÂY NINH																	
	Vốn ngân sách thành phố									191,900	90,900	101,000				101,000		
	Chưa đầu tư ngân sách									90,900	90,900		101,000			101,000		
2	Chỉ từ nguồn thu hiện sử dụng đất									101,000						60,000		
	Chỉ từ nguồn thu hiện sử dụng đất									77,200	17,200					60,000		
(II)	THỊ XÃ HÒA THÀNH																	
1	Vốn ngân sách huyện												17,200	17,200				
	Chưa đầu tư ngân sách									17,200						60,000		
2	Chỉ từ nguồn thu hiện sử dụng đất												60,000			57,000		
	Chỉ từ nguồn thu hiện sử dụng đất									67,620	10,620					57,000		
(IV)	HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU												10,620	10,620				
																57,000		
	Chỉ từ nguồn thu hiện sử dụng đất									57,000						57,000		
	Chỉ từ nguồn thu hiện sử dụng đất									67,740	9,740					58,000		
(I)	Chưa đầu tư ngân sách																	
2	Chỉ từ nguồn thu hiện sử dụng đất									9,740	9,740					58,000		
	Chỉ từ nguồn thu hiện sử dụng đất									58,000						58,000		
(V)	THỊ XÃ TRẢNG BÀNG																	
1	Vốn ngân sách huyện									72,160	22,160					50,000		
	Chưa đầu tư ngân sách									22,160	22,160					50,000		
2	Chỉ từ nguồn thu hiện sử dụng đất									50,000						70,000		
	Chỉ từ nguồn thu hiện sử dụng đất									84,290	14,290					70,000		
HUYỆN CỎ DÀU																		
1	Vốn ngân sách huyện												14,290	14,290				
	Chưa đầu tư ngân sách									14,290						70,000		
2	Chỉ từ nguồn thu hiện sử dụng đất									70,000								
	Chỉ từ nguồn thu hiện sử dụng đất									48,060	8,060					40,000		
HUYỆN BẾN CẦU																		
1	Vốn ngân sách huyện												8,060	8,060				
	Chưa đầu tư ngân sách									8,060						40,000		
2	Chỉ từ nguồn thu hiện sử dụng đất									40,000								
	Chỉ từ nguồn thu hiện sử dụng đất									50,120	18,120					32,000		
(VI)	HUYỆN TÂN BIÊN																	
1	Vốn ngân sách huyện												50,120	18,120				
	Chưa đầu tư ngân sách									18,120	18,120							
2	Chỉ từ nguồn thu hiện sử dụng đất									32,000						32,000		

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	QP đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn từ nguồn nào từ kết quả kế hoạch năm trước	Trong đó:				Ghi chú	
													Kế hoạch đầu tư năm 2024	Ngân sách tập trung	Nguồn thu địa phương	Xổ số kiến thiết		Nguồn bồi chi ngân sách địa phương
(XX)	HUYỆN TÂN CHÁU																	
	Vốn ngân sách huyện													60,910	28,910	32,000		
1	Cán đối ngoại sách													28,910	28,910			
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất													32,000		32,000		

Phụ lục 2
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 - NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
(Kèm theo Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Quyết định đầu tư															Ghi chú
TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW	Lấy kế NSTW đã bố trí năm 2021-2023	Kế hoạch năm 2024 nguồn NSTW	
											Trong đó: NSTW				
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						
	TỔNG SỐ								2,210,829	1,763,400	1,733,400	988,253	595,760		
A	TỈNH QUẢN LÝ								1,975,995	1,613,400	1,613,400	880,253	583,760		
I	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÀM NGHIỆP, ĐIỂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN								221,183	180,000	180,000	27,000	153,000		
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025								221,183	180,000	180,000	27,000	153,000		
I	Trạm bơm Tân Long	Ban QLDA DTXD ngành NN&PTNT	Tân Châu	Tưới, tiêu diện tích 732 ha	2022-2025	7911088	283	1576/QĐ-UBND 01/8/2022	221,183	180,000	180,000	27,000	153,000		
II	LĨNH VỰC GIAO THÔNG								1,204,667	950,000	950,000	774,704	175,296		
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024								1,204,667	950,000	950,000	774,704	175,296		
1	Đường 794 đoạn từ ngã ba Kà Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 2)	Ban QLDA DTXD ngành Giao Thông	Tân Châu	16km BTXM	2021-2024	7684671	292	2688/QĐ-UBND 03/11/2020; 857/QĐ-UBND 14/4/2021	499,942	370,000	370,000	239,251	130,749		
2	Nâng cấp, mở rộng DT.795	Ban QLDA DTXD ngành Giao Thông	Tân Châu, Tân Biên	36,2km BTN	2021-2024	7866651	292	1036/QĐ-UBND 11/5/2021; 2664/QĐ-UBND 19/10/2021	608,973	500,000	500,000	460,002	39,998		

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW	Lấy kế NSTW đã bố trí năm 2021-2023	Kế hoạch năm 2024 nguồn NSTW	Ghi chú
								TMDT						
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
3	Đường vào đồn Biên phòng Suối Lam	Bộ chỉ huy BDBP tỉnh	Tân Châu	13.653,16m	2021-2024	7004686	292	677/QĐ-UBND ngày 24/3/2021; 2178/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	95.752	80,000	80,000	75,451	4,549	
III	LĨNH VỰC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ								410,042	360,400	360,400		233,013	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2024								410,042	360,400	360,400		233,013	
1	Đầu tư các dự án thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài	BQLKKT tỉnh	Khu KTCK Mộc Bài huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	Đường giao thông nội bộ KKTCK	2022-2025		292	2483/QĐ-UBND 29/11/2023	410,042	360,400	360,400		233,013	
IV	CHUÔNG TRÌNH PHỤC HỒI KT-XH - LĨNH VỰC Y TẾ								140,103	123,000	123,000	78,549	22,451	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024								140,103	123,000	123,000	78,549	22,451	
1	Dự án xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA DTXD tỉnh	TP Tây Ninh	Diện tích 3.325m2; Trang thiết bị:...	2021-2024	7846248	131	3063/QĐ-UBND 17/12/2020; 881/QĐ-UBND 11/4/2023 (đc)	76,747	62,000	62,000	38,899	12,101	
2	Đầu tư trang thiết bị cho 06 Trung tâm Y tế huyện và 42 Trạm Y tế tuyến xã	Ban QLDA DTXD tỉnh	06 Trung tâm Y tế huyện và 42 Trạm Y tế tuyến thị trấn, xã, phường	Đầu tư trang thiết bị cho 06 Trung tâm Y tế tuyến huyện và 42 Trạm Y tế tuyến thị trấn, xã, phường	2022-2024			1498/QĐ-UBND 20/07/2023	63,356	61,000	61,000	39,650	10,350	
B	TÌNH HÌNH TRỢ MỤC TIÊU								234.834	150,000	120,000	108,000	12,000	



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW	Lấy kế NSTW đã bố trí năm 2021-2023	Kế hoạch năm 2024 nguồn NSTW	Ghi chú
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024								234,834	150,000	120,000	108,000	12,000		
1	Bờ kè chống sạt lở suối Cắn Đàng chảy qua trung tâm thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên	BQLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Thị trấn Tân Biên	Dài 1,780m	2020-2024	7846443	272	1641/QĐ-UBND ngày 31/7/2020; 1434/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 (đc)	234,834	150,000	120,000	108,000	12,000		

Phụ lục 3

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 - NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỒ TRỌ
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Nghị quyết số 120 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)



Đơn: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư		Đã bố trí vốn TWHT đến năm	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
										Tổng	Trong đó: NSTW			
	Tổng									21,979	17,434	133,932	124,616	
I	CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi - Hỗ trợ mục tiêu xã Hòa Hiệp huyện Tân Biên									7,979	7,323	3,715	4,347	
II	CTMTQG Giảm nghèo bền vững									14,000	10,111	3,955	3,699	
	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững									14,000	10,111	3,955	3,699	
I	Đầu tư cơ sở hạ tầng, phần mềm, trang thiết bị công nghệ thông tin cho Trung tâm dịch vụ việc làm - Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Tây Ninh	Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội	Thành phố Tây Ninh	KBNN tỉnh	7968550	098	Cải tạo, nâng cấp	2023-2024	113/QĐ-SKHĐT 12/7/2023	14,000	10,111	3,955	3,699	
III	CTMTQG xây dựng nông thôn mới											126,262	116,570	
	Hỗ trợ mục tiêu các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn – đô thị và kết nối các vùng miền											126,262	116,570	
1	Huyện Châu Thành											48,830	31,345	
2	Huyện Dương Minh Châu											23,714	35,265	
3	Huyện Tân Biên											26,324	11,755	
4	Huyện Tân Châu											27,394	38,205	